

SƠ KHẢO THƯ TỊCH PHẬT GIÁO TRUNG QUỐC THỜI MINH - THANH HIỆN LƯU TRỮ TẠI VIỆT NAM¹

Tóm tắt: Việt Nam có một lịch sử lâu dài chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc, trong đó có sự truyền nhập thư tịch chữ Hán. Vào giai đoạn thế kỷ XVII – XVIII, chính quyền Hậu Lê khi mới nắm quyền đã tôn sùng Nho giáo, sau một thời gian chiến tranh Nam Bắc, chính trị và kinh tế biến động, lại thêm ảnh hưởng của phong trào “di dân đào thiên” ở Trung Quốc khiến cho khá nhiều thiền sư được những người cai trị mời tới Việt Nam. Hoạt động hoằng pháp của các thiền sư này, đặc biệt là Chuuyết Công, không chỉ đưa Phật pháp truyền vào Việt Nam, mà còn mang theo một số lượng kinh điển Phật giáo Trung Quốc.

Trước đó, ở giai đoạn thuộc Minh đầu thế kỷ XV, thư tịch ở Việt Nam bị tiêu hủy và phá hoại nghiêm trọng. Lượng kinh Phật còn bảo tồn tới ngày nay chủ yếu mới được truyền nhập vào thời Hậu Lê. Một số thư tịch theo chân các vị tăng di dân truyền vào, nhưng cũng có trường hợp tăng nhân Việt Nam như Tỉnh Tuyên phụng chỉ tới Mân Việt cầu pháp, đem kinh sách từ chùa Khánh Vân núi Đỉnh Hồ về, tái lập lại hoạt động tu học Giới luật ở Việt Nam, đồng thời bắt đầu thiết lập Tam đàn Cụ túc.

Kinh điển được đưa vào trong giai đoạn đó chủ yếu thuộc “Gia Hưng tạng”, đại bộ phận đã được sưu tập vào thời thực

* Nghiên cứu viên sau Tiến sĩ, khoa Lịch sử, Đại học Thành Công (Đài Loan).
Địa chỉ: N°. 1 University Road, Taiwan City nol, Taiwan. R.O.C.

¹ Nguyên bản tiếng Trung: 李貴民, “越南所藏明清佛教文獻初探”, 佛光學報新六卷. 第一期, 2020 年 1 月, 頁 279-320. Bản dịch tiếng Việt có giản lược một số nội dung tri thức đã phổ biến ở Việt Nam về lịch sử Việt Nam, các kho lưu trữ tư liệu Hán Nôm tại Việt Nam, và bổ sung một số chú thích của người dịch (ND). Những sự thay đổi này đã được tác giả đồng ý.

Ngày nhận bài: 18/10/2020; Ngày biên tập: 11/01/2021; Duyệt đăng: 15/02/2021.

dân Pháp ở Việt Nam, sau này do Viện Nghiên cứu Hán Nôm tiếp nhận. Lượng kinh Phật được mang vào Việt Nam giai đoạn này rất khó bảo quản do khí hậu không thuận lợi, nên đã số được tăng nhân Việt Nam trùng san, tuy có thể có một số thay đổi nhưng về cơ bản vẫn giữ đặc điểm của thư tịch thời kỳ cuối Minh đầu Thanh. Những kinh sách Phật giáo này sau khi truyền nhập vào Việt Nam đã trở thành một dạng hóa thạch của văn hiến Hán văn bên ngoài Trung Quốc.

Từ khóa: *Thư tịch Phật giáo; thời kì Minh - Thanh; Chuyết Công hòa thượng; thiền sư Tính Tuyên; Viện Nghiên cứu Hán Nôm.*

1. Thư tịch Phật giáo Trung Quốc truyền nhập vào Việt Nam

Quá trình truyền nhập thư tịch chữ Hán vào Việt Nam có thể chia thành hai giai đoạn: (1) Giai đoạn Bắc thuộc: thư tịch chữ Hán truyền vào Việt Nam nhờ chính sách đề cao Nho học của chính quyền và một số văn nhân tới sống ở Việt Nam; (2) Giai đoạn độc lập tự chủ: từ sau khi Ngô Quyền đánh bại quân Nam Hán và thiết lập triều Ngô, Việt Nam bước vào thời kì tự chủ, nhưng phần lớn thời gian vẫn duy trì quan hệ hữu hảo với Trung Quốc, sứ thần Việt Nam khi đi sứ Trung Quốc lại thể hiện vai trò quan trọng trong giao lưu Hán tịch. Nước Trung Quốc nhờ vào năng lực in khắc sách vở của mình cũng thường ban cấp thư tịch. Đơn cử như ở thời Tống, [Trung Quốc] đã sáu lần ban Đại tạng kinh cho nhà Tiền Lê. Nhưng sau này, việc ấy bị hủy do ba lần nhà Nguyên xâm chiếm Việt Nam¹.

Đương thời, từ vua tới quan lại đều tới nghe Hòa thượng Chuyết Công (1590 – 1644) thuyết pháp, dần dần, giới cai trị trở nên sùng tín Phật giáo. Vì lòng dân theo Phật nên chúa Trịnh cũng thuận theo đó mà sử dụng Phật giáo để dẫn dắt lòng người². Quần chúng vốn đã quen với tư tưởng Nho gia qua sự truyền bá của triều đình, khi gặp hoàn cảnh chiến tranh và đình đốn kinh tế lại trở nên ngờ vực những tín điều Nho giáo và dần tin vào những giáo lý từ bi cứu khổ, nhân quả báo ứng của Phật giáo³.

Tình hình ở phía nam cũng tương tự, một mặt, việc tự lập một chính quyền là mâu thuẫn với quan niệm chính thống của Nho giáo; mặt khác, chúa Nguyễn muốn có một tín ngưỡng mới để dẫn dắt tinh thần và tâm lý của dân chúng. Trong hoàn cảnh đó, Phật giáo phù hợp với nhu cầu của chúa Nguyễn, vừa giải quyết được nhu cầu tín ngưỡng của số dân di cư vào phía nam, vừa hợp pháp hóa tư cách của người thống trị⁴. Có thể thấy rằng, tuy khi đó Việt Nam bị phân chia thành Đàng Trong và Đàng Ngoài, nhưng Phật giáo lại có ảnh hưởng tới tất cả các tầng lớp trong xã hội, thúc đẩy một cơ hội chấn hưng đối với Phật giáo.

Trong thời kì Minh - Thanh (Trung Quốc), chủng loại thư tịch được ban cấp tăng lên, nhưng chủ yếu vẫn là kinh điển Nho gia. Ngoài sự qua lại quan phương giữa hai bên thì sứ thần Việt Nam, quan sai, tăng nhân, đạo sĩ, quan lại và binh lính, kiều dân và thương nhân là trung gian chủ yếu mua sách chữ Hán⁵. Thư tịch Phật giáo ở Trung Quốc thời kì Minh - Thanh cũng theo đó mà đi vào Việt Nam. Trong số đó, có một số sách Phật giáo thuộc “Gia Hưng tạng” (嘉興藏) được lưu giữ tại một số ngôi chùa hoặc được khắc ván lại để lưu truyền.

Thêm vào đó, trong khoảng thời gian thay đổi triều đại giữa nhà Minh và nhà Thanh, phong trào “đào thiên” (逃禪)⁶ được hình thành từ thời Vạn Lịch trở về sau ở khu vực Lĩnh Nam lại càng thịnh hành⁷. Tình trạng đó khiến cho nhiều thiền sư Lĩnh Nam tới Việt Nam hoằng pháp, trong đó quan trọng nhất là các vị Chuyết Công (1590 - 1644), Minh Hành (1595 - 1659), Lục Hồ Viên Cảnh, Viên Khoan, Minh Hoằng Tử Dung, Giác Phong, Từ Lâm, Minh Hải Pháp Bảo, Hưng Liên Quả Hoằng, Pháp Hóa (1670 - 1754), Tế Viên (? - 1689), Giác Phong, Nguyên Thiệu (1648 - 1728), Thạch Liêm Đại Sán (1633 - 1704)⁸. Những vị này không chỉ thúc đẩy sự phát triển và cải cách của Phật giáo Việt Nam, mà thậm chí còn sáng lập ra môn phái mới ở đây, ví dụ như: thiền phái Chuyết Công, thiền phái Nguyên Thiệu; thậm chí còn là quốc sư của triều đình chúa Nguyễn, như quốc sư Hưng Liên Quả Hoằng. Điều đó

thể hiện rõ nét sự phát triển quan hệ mật thiết về tôn giáo và văn hóa giữa hai nước Trung Quốc và Việt Nam ở giai đoạn này.

Ở một phương diện khác, do chính sách đề cao Nho giáo của nhà Hậu Lê nên sự phát triển của Phật giáo ở Việt Nam không còn được liên tục như ở triều Lý Trần trước đó. Vậy nên ngoài những thiền sư Lĩnh Nam tới Việt Nam hoằng pháp thì tăng nhân Việt Nam cũng đã chủ động tới Lĩnh Nam cầu pháp thụ giới và mang kinh sách Phật giáo về nước, ví dụ như các vị Thủy Nguyệt Thông Giác 水月通覺 (1637 - 1704), Tính Tuyền Trạm Công 性泉湛公 (1674 - 1744)⁹. Hoạt động này tạo ra biến đổi lớn đối với sự phát triển của Phật giáo Việt Nam đương thời, đặc biệt là ảnh hưởng của Thiền tông¹⁰. Tuy nhiên, các nghiên cứu trước đây tập trung nhiều vào ảnh hưởng cá nhân của các vị tăng di dân thời cuối Minh đầu Thanh tới Phật giáo Việt Nam, mà không đề cập nhiều tới ảnh hưởng của thư tịch với sự phát triển Phật giáo giai đoạn đó. So với hoạt động truyền thừa, sự truyền bá thư tịch Phật giáo có thể có tác dụng lâu dài hơn về thời gian và rộng rãi hơn về không gian, mang lại những hiệu quả đáng ghi nhận¹¹.

2. Tổng quan về những kho lưu trữ văn hiến Phật giáo Việt Nam

Trong số kinh điển Phật giáo truyền vào Việt Nam các thời kì, do ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên và tác động của con người, bản in của những kinh sách Phật giáo ở giai đoạn sớm không dễ dàng để bảo tồn được. Các bản sách giấy rất dễ bị hỏng, nếu không được san khắc lại mà chỉ dựa vào bản chép tay thì càng khó để bảo tồn. May mắn là ở trong thời kì thực dân Pháp ở Việt Nam, vấn đề bảo tồn văn hiến tương đối được chú trọng, cho nên một số lượng thư tịch Phật giáo ở giai đoạn sớm được lưu giữ lại, thậm chí được chụp ảnh. Hiện tại, thư tịch Phật giáo Việt Nam được lưu trữ chủ yếu tại 4 nơi: (1) Viện Nghiên cứu Hán Nôm (Viện NCHN), (2) Thư viện Quốc gia Việt Nam, (3) Hội bảo tồn di sản chữ Nôm tại Mỹ, (4) lưu giữ trong các tự viện ở Việt Nam.

Trong đó, thư tịch Phật giáo ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm có vai trò quan trọng nhất, tư liệu lưu trữ chủ yếu do học viện Viễn Đông

Bác Cổ (EFEO) của Pháp tổ chức sưu tập trong thời kì thực dân Pháp, nay được Viện Nghiên cứu Hán Nôm lưu giữ¹².

Ngoài ra, còn một bộ phận lớn thư tịch được lưu giữ trong các tư viện. Do tư viện ở Việt Nam có số lượng rất lớn, nhiều kho tư liệu ở các tư viện chưa được chính phủ tổ chức điều tra chỉnh lý. Vậy nên tình trạng tư liệu hiện tại vẫn chưa thực rõ ràng, phương thức bảo tồn và quản lý tư liệu cũng không thống nhất, nếu không kịp thời điều tra sẽ dần mất mát tư liệu. Tuy nhiên, phạm vi lớn như vậy cần đầu tư nhiều nhân lực và vật lực để tiến hành điều tra.

Qua quá trình khảo sát thực địa, chúng tôi đã phát hiện một số tư liệu chưa được thu thập vào Viện Nghiên cứu Hán Nôm hay các đơn vị khác. Ví dụ như trường hợp chùa Xiển Pháp ở Hà Nội, đã có học giả tiến hành điều tra, phát hiện trong bản sao chép mục lục *Các tự kinh bản* 《各寺經板》 có 17 đầu sách Phật giáo¹³, nhưng số lượng sách được thu thập tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm chỉ có 11/17 số sách đó. Bên cạnh đó, Viện Nghiên cứu Hán Nôm lại có 3 đầu sách khác mà mục lục sao chép *Các tự kinh bản* không có¹⁴.

Bảng 1: Đối chiếu đầu sách lưu giữ tại Viện NCHN và mục lục kinh của chùa Xiển Pháp (Hà Nội) sao chép trong *Các tự kinh bản*

Số thứ tự	Đầu sách lưu giữ tại VNCHN	Mục lục trong <i>Các tự kinh bản</i>
1	<i>Tạo tượng lượng đặc kinh</i> 《造像量度經》 (AC.123)	<i>Tam muội tạo tượng kinh</i> 《三昧造像經》
2	Không có	<i>Lục tổ Đàn kinh</i> 《六祖壇經》
3	Không có	<i>Kim cương bát nhã kinh</i> 《金剛般若經》
4	<i>Phật thuyết Đại thừa Kim cương luận</i> 《佛說大乘金剛經論》 (AC.125)	<i>Kim cương kinh luận</i> 《金剛經論》
5	Không có	<i>Dược sư kinh</i> 《藥師經》
6	<i>Mục lục kinh</i> 《目錄經》 (AC.492)	<i>Mục lục kinh</i> 《目錄經》
7	Không có	<i>Hộ đồng tử kinh</i> 《護童子經》
8	Không có	<i>Đại bi xuất tướng</i> 《大悲出相》
9	<i>Lễ ngũ bách Quán Thế Âm kinh</i> 《禮五百觀世音經》 (AC.126, AC.222)	<i>Ngũ bách danh kinh</i> 《五百名經》

10	<i>Tam quy ngũ giới kinh</i> 《三皈五戒經》 (AC.173, AC.124)	<i>Tam quy ngũ giới kinh</i> 《三皈五戒經》
11	<i>Điều pháp liên hoa kinh Quán Thế Âm Bồ tát Phổ môn phẩm</i> 《妙法蓮花經觀世音菩薩普門品》 (AC.111)	<i>Phổ môn kinh</i> 《普門品經》
12	<i>Hồi dương nhân quả lục</i> 《回陽因果錄》	<i>Nhân quả hồi dương</i> 《因果回陽》
13	Không có	<i>Di Đà nhân quả kinh diễn âm</i> 《彌陀因果經演音》
14	<i>Phật thuyết ngũ vương kinh diễn âm</i> 《佛說五王經演音》 (AB.103)	<i>Ngũ vương xuất gia kinh diễn âm</i> 《五王出家經演音》
15	<i>Phật thuyết Mục Liên cứu mẫu kinh diễn âm</i> 《佛說目連救母經演音》 (AB.97)	<i>Mục Liên kinh diễn âm</i> 《目連經演音》
16	<i>Phật thuyết thập lục quán kinh diễn âm</i> 《佛說十六觀經演音》 (AB.95)	<i>Thập lục quán kinh diễn âm</i> 《十六觀經演音》
17	<i>Bố thí công đức kinh diễn âm</i> 《施公德經演音》 (AB.102)	<i>Bố thí công đức kinh diễn âm</i> 《布施公德經演音》
18	<i>Chư kinh diễn âm</i> 《諸經演音》 (AB.98)	Không có
19	<i>Nhân quả chư kinh trích yếu diễn âm</i> 《因果諸經摘要演音》 (AB.351, AB.96)	Không có
20	<i>Xuất gia công đức kinh diễn âm</i> 《出家功德經演音》 (AB.104)	Không có

Từ bảng trên có thể suy đoán, ngôi chùa Xiển Pháp đã từng san khắc ít nhất là 20 bản kinh Phật. Những thông tin tra cứu tư liệu ở trên được lấy từ “Hệ thống kho tư liệu về mục lục văn hiến Hán Nôm Việt Nam” 《越南漢喃文獻目錄資料庫系統》¹⁵. Trong đó, nội dung đề yếu là căn cứ quan trọng nhất, muốn sơ bộ lọc xem tư liệu Phật giáo có nguồn từ “Gia Hưng tạng” hay không trước tiên có thể căn cứ vào năm xuất bản ghi trong đề yếu, nhưng cần chú ý có một số kinh Phật giai đoạn sớm không có năm xuất bản.

Hiện tại, “Hệ thống kho tư liệu về mục lục văn hiến Hán Nôm Việt Nam ghi chép tổng cộng mục lục sách Hán Nôm tại 6 thư viện ở cả hai nước Việt Nam và Pháp (Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Thư viện EFEO Pháp, Bộ phận Tả bản phương Đông tại Thư viện Quốc

gia Pháp, Thư viện Học hội Á Châu Pháp, Tàng thư tại Học viện Ngôn ngữ phương Đông của Pháp, Bảo tàng Nghệ thuật châu Á Guimet), gồm 5023 tài liệu, trong đó, Kinh bộ có 147 tài liệu, Sử bộ có 1665 tài liệu, Tử bộ có 1527 tài liệu, Tập bộ có 1684 tài liệu¹⁶. Thư tịch Phật giáo trong kho tư liệu, chủ yếu được phân loại vào bộ “Tử”, số kí hiệu được phân loại vào phần Phật giáo (bắt đầu từ tài liệu số 2607 tới 2920), tạm tính có 314 loại thư tịch, ngoài ra còn có một số tư liệu liên quan nhưng chưa được xếp vào loại tư liệu Phật giáo.

3. Văn hiến Phật giáo ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm

Căn cứ thời gian và loại hình truyền nhập vào Việt Nam, có thể chia thư tịch Phật giáo lưu trữ tại Viện NCHN làm 3 loại: (1) thời kì phục hưng Phật giáo đời Hậu Lê (thế kỉ XVII - XVIII), chủ yếu do nhóm tăng nhân di dân của hòa thượng Chuyết Công mang vào, (2) sách được san khắc lại từ những thư tịch được pháp sư Tính Tuyền sang Trung Quốc cầu pháp mang về, (3) sách được tăng nhân Việt Nam đưa về do nhu cầu của Phật giáo.

Ở những thời kì khác nhau, tình trạng của những tư liệu hiếm thấy có sự bất đồng. Sách hiện không còn ở Trung Quốc thường ở thời kì thứ nhất và thứ hai. Vì sách vở đưa vào Việt Nam chủ yếu thuộc giai đoạn cuối Minh đầu Thanh nên ở Trung Quốc có thể không còn lưu giữ được do thời gian đã lâu. Nhưng ở Việt Nam, hoạt động trùng tân san khắc đã khiến cho bản giấy từ Trung Quốc trở thành một bản. Tuy một bản bị mối mọt, mài mòn, nhưng so với bản giấy thì một bản vẫn bảo lưu được lâu hơn. Hơn nữa, lại có một số một bản sau này lại được trùng khắc nên được lưu truyền tương đối lâu dài. Thời kì thứ ba là một thời kì tổng hợp, bao gồm nhiều nguyên nhân khác nhau dẫn tới việc đưa thư tịch Phật giáo vào Việt Nam. Thời kì này có một số vị chuyên tâm trùng khắc kinh Phật như hòa thượng Phúc Điền (chùa Đại Giác, Bắc Ninh, cuối thế kỉ XIX), hòa thượng Thanh Hanh (chùa Vĩnh Nghiêm, đầu thế kỉ XX).

3.1. Tăng nhân di dân mang Phật điển vào Việt Nam

3.1.1. Hòa thượng Chuyết Công và thiền sư Minh Hành

Giữa thế kỉ XVII, các thiền tăng ở Lĩnh Nam nối nhau tới Việt Nam hoằng dương Phật pháp, trong đó đại diện là hòa thượng Chuyết Công người đất Môn¹⁷. *Đại Nam Thiền uyển truyền đăng lục* 《大南禪苑傳燈集錄》 - quyển Hạ ghi thông tin: hòa thượng Chuyết Công người Tiêm Sơn, huyện Hải Trùng, phủ Đàm Châu, tỉnh Phúc Kiến, Đại Minh¹⁸, họ Lý, pháp danh Thích Viên Văn 釋圓爕, hiệu Chuyết Chuyết 拙拙¹⁹. Khoảng năm 1607, Chuyết Công tới nước Cổ Môn hoằng pháp, vua nước đó coi như bậc thầy, nhiều đại thần trong triều cung kính quy y, Chuyết Công ở nước đó 16 năm. Năm 1623, Chuyết Công trở về Phúc Kiến²⁰, trong năm đó lại quay về Quảng Nam (Thuận Hóa) thuyết pháp 7, 8 năm, được giới quý tộc trong chính quyền chúa Nguyễn coi trọng²¹.

Khoảng năm 1630, Chuyết Công cùng đệ tử là Minh Hành đi từ Quảng Nam (Thuận Hóa) ra bắc. Năm 1633, sau khi tới Hà Nội, hòa thượng được hoàng hậu và quý tộc Việt Nam tôn làm thầy, thỉnh làm trụ trì chùa Khán Sơn 看山 ở Hà Nội, tuyên giảng Phật pháp. Không lâu sau đó, ông sang Bắc Ninh trụ trì chùa Phật Tích 佛跡, khoảng năm 1642 thì tới trụ trì chùa Bút Tháp 筆塔²², tới năm 1644 thì viên tịch²³. Trong giai đoạn hoằng pháp ở miền Bắc Việt Nam, hòa thượng Chuyết Công sáng lập ra thiền phái Chuyết Công, truyền được 10 đời, kéo dài gần 200 năm, là công hiến rất lớn cho sự phục hưng Phật giáo Việt Nam thế kỉ XVII - XVIII, được coi là thiền sư khai sáng ra tông Lâm Tế phương bắc Việt Nam²⁴.

Sau đó, đáp ứng đề nghị của chúa Trịnh Tráng, hòa thượng Chuyết Công sai đệ tử là thiền sư Minh Hành về nước thỉnh kinh. Kinh sách mang về lưu tại chùa Phật Tích, trong đó có một bộ phận được trùng san, mộc bản đều tàng tại chùa Phật Tích²⁵. Căn cứ vào điều tra của học giả Pháp, vào những năm 1950, ván khắc bị làm củi nấu cơm, Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp tại Hà Nội đã đưa những ván khắc này mang về bảo tồn tại Viện²⁶, hiện không rõ hiện trạng của số mộc bản này, một số bản in từ kho mộc bản đó hiện được lưu trữ tại thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

Thiền sư Minh Hành 明行 (1595 – 1659), pháp hiệu Tại Tại 在在, vốn họ Hà, thời cuối Minh đầu Thanh, quê ở phủ Kiến Xương tỉnh Giang Tây (nay là địa khu Phủ Châu, Giang Tây). Thiền sư Minh Hành có khả năng đã tới Quảng Nam (Thuận Hóa) vào khoảng năm 1623, sau đó mới gặp Chuyết Công và trở thành đệ tử của ông. Khoảng năm 1630, Minh Hành theo thầy ra Bắc tới Hà Nội, giữa đường đã khai hóa chùa Thiên Tượng 天象 (Nghệ An), chùa Trạch Lâm 澤林 (Thanh Hóa). Khoảng năm 1634 - 1635, Minh hành theo Chuyết Công tới trụ trì chùa Phật Tích trong khoảng 7 - 8 năm²⁷. Sau khi hòa thượng Chuyết Công ở chùa Bút Tháp và viên tịch năm 1644, Minh Hành kế thừa y bát²⁸, trụ trì chùa Bút Tháp 15 năm, tới năm 1659 thì viên tịch ở chùa này²⁹.

3.1.2. Các Phật điển được truyền vào và những tư liệu ít thấy

Trong thời kì này, đại đa số sách vở được mang vào Việt Nam qua con đường giao lưu văn hóa phi quan phương, thông qua sự đi lại giữa hai miền Nam - Bắc của các tầng nhân hai nước. Ví dụ như hòa thượng Chuyết Công khi sang Việt Nam đã mang sang một số kinh Phật³⁰, trong đó có bộ *Thủy lục toàn tập* 《水陸全集》³¹ chuyên về cúng tế cô hồn thủy lục, nội dung bao gồm các nghi quỹ “Thỉnh Phật” 請佛, “Nghênh sư” 迎師, “Chiêu hồn” 招魂, “Tiếp vong linh” 接亡靈, “Tẩy uế” 洗穢, “Sám hối” 懺悔. Sau khi được mang vào Việt Nam, bộ sách này được các chùa miền Bắc Việt Nam sử dụng rộng rãi do phù hợp với nhu cầu của xã hội đương thời³². Cuốn sách này đã được lưu truyền hơn 200 năm cho tới khi được khắc ván năm 1894, niên hiệu Thành Thái năm thứ 6, ở chùa Vĩnh Phúc 永福 xã Phù Lãng, huyện Võ Giàng (Bắc Ninh).



Hình 1: *Thủy lục toàn tập* bản in ở Việt Nam có tên là *Thủy lục chưa khoa*

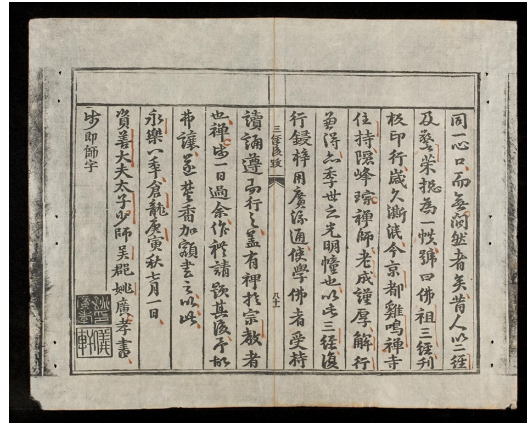
Hiện tại, thư tịch Phật giáo do thiền sư Minh Hành truyền vào hiện lưu trữ ở Viện NCHN có thể xác định được là *Tam kinh nhật tụng* 《三經日誦》³³, lại có tên là *Phật Tổ tam kinh* 《佛祖三經》³⁴. Thực ra, hai quyển này cùng là một bản, chỉ vì khi nhập thông tin vào “Hệ thống kho tư liệu về mục lục văn hiến Hán Nôm Việt Nam” thì nhầm dòng “Tam kinh nhật tụng tự” 三經日誦叙 do Âu Dương Dĩnh Chất 歐陽穎侄 đề ở trang đầu thành tên sách. Căn cứ vào tư liệu có thể suy đoán niên đại của thiền sư Minh Hành là 1595 - 1659, cho nên năm Quý Tị ở cuối bài tựa *Phật Tổ tam kinh* này là 1653, niên hiệu Khánh Đức, triều Lê.



Hình 2: *Tam kinh nhật tụng*, Thích Tại Tại tức thiền sư Minh Hành kí tên, do đệ tử Diệu Tuệ phụ trách khắc ván.

Việc khuyến mộ san khắc kinh chủ yếu do đệ tử của thiền sư Minh Hành là Tì khiêu ni Diệu Tuệ 妙慧 hiệu Thiện Thiện 善善, tức công chúa Lê Thị Ngọc Duyên 黎氏玉緣³⁵, phụ trách. Thông tin “trùng tử” 重梓³⁶ được đề cập trong sách có thể hiểu là sau khi thiền sư Minh Hành mang sách về Việt Nam, vì mục đích in ấn phát hành nên trùng tân san khắc.

Cuốn sách này thừa tập bản khắc của Ân Phong Tông thiền sư 隱峰琮禪師³⁷ ở chùa Kê Minh 雞鳴 (Nam Kinh) triều Minh, có bài “Tam kinh hậu bạt” 三經後跋 của Diêu Quảng Hiếu 姚廣孝 viết, niên đại được ghi là năm Canh Dần, niên hiệu Vĩnh Lạc năm thứ 8 (1410).



Hình 3: Bài Bạt *Phật Tổ tam kinh* của Diêu Quảng Hiếu

Sau này, tại chùa Đàm Giá 潭柘 dựng ngôi tháp “Tăng lục ti Hữu Giảng kinh kiêm Kê Minh thiên tự trụ trì Tào Động Chính phó Ân Phong Tông thiền sư linh tháp” 僧錄司右講經兼雞鳴禪寺住持曹洞正付隱峰琮禪師靈塔, có học giả suy đoán rằng, Ân Phong có quan hệ qua lại với Diêu Quảng Hiếu, qua bài bạt này có thể xác thực suy đoán đó. Thông tin này cũng cho thấy về cuối đời Diêu Quảng Hiếu có qua lại với nhân sĩ Phật giáo, việc vị này viết *Đạo đồ lục* 《道余錄》 vào năm Vĩnh Lạc thứ 10 (1412) phải chăng cũng có liên quan tới sự qua lại đó? Ngoài ra, Minh Hành bản thân là đệ tử của Chuyết Công thuộc tông Lâm Tế, nhưng khi san khắc lại sử dụng sách của Ân Phong, điều này cho thấy một đặc điểm quan trọng ở Việt Nam đương thời là sự khuyết thiếu sách thuộc mảng Giới Luật và sự phục hưng tư tưởng Giới Luật, không câu chấp tông phái.

Ngoài ra, *Bát nhã ba la mật đa tâm kinh trực thuyết* 《般若波羅蜜多心經直說》 cũng do ti khiêu ni Diệu Tuệ vâng mệnh khắc. Kinh này được san khắc vào tháng 11 năm thứ 2, niên hiệu Thịnh Đức (1654), nên nguyên nhân san khắc cũng giống với *Phật Tổ tam kinh*, do thiền sư Minh Hành mang kinh về Việt Nam rồi đệ tử là ni Diệu Tuệ trùng tử san khắc, số kinh này trải qua thời gian lâu dài cần trùng san³⁸. *Bát nhã ba la mật đa tâm kinh trực thuyết* do đại sư Hám Sơn Đức Thanh 憨山德清³⁹ trú tác,

thu nhập vào kinh mục số 5042, quyển 26, “Vạn Tục Tạng” 《卍續藏》⁴⁰, cũng nhập vào “Gia Hưng tạng”.

Ngoài ra, Phật điển do thiền sư Minh Hành trùng tân san khắc còn có các sách *Thiên Đồng Giác hòa thượng tụng cổ* 《天童覺和尚頌古》(Hình 4), *Tuyết Đậu Hiển hòa thượng tụng cổ* 《雪竇顯和尚頌古》.



Hình 4: Bản *Thiên Đồng Giác hòa thượng tụng cổ* tại Viện NCHN

Ở bản đang lưu tại Viện NCHN, hai cuốn *Thiên Đồng Giác hòa thượng tụng cổ* và *Tuyết Đậu Hiển hòa thượng tụng cổ* được hợp đính làm một, có thể do hai cuốn này đều do tĩ khiêu Như Không 如空 trùng san vào năm thứ 24, niên hiệu Cảnh Hưng (1763). Ở cuối hai cuốn sách đều ghi: “Trùng san vào ngày tốt mùa đông năm Quý Mùi niên hiệu Cảnh Hưng năm thứ 24 .Vu giang vân thủy Sa di Minh Hành Thích Tại Tại trùng tử, tĩ khiêu Như Không trùng san” 景興二十四年歲次癸未冬穀日重刊盱江雲水沙彌明行釋在在重梓比丘嗣如空重刊⁴¹. Có thể thấy rõ rằng tĩ khiêu Như Không khi trùng san đã dựa vào bản do Minh Hành thiền sư khắc ván lại. Thời gian khắc ván được ghi một hàng sau bài tựa của

Thích Đàm Ngọc 釋曇玉 trong phần sao chép lại “Tuyết Đậu Minh Giác hòa thượng tụng cổ tập tự” 雪竇明覺和尚頌古集序: “Năm Đinh Dậu niên hiệu Thịnh Đức viết lại” 盛德丁酉歲重書.

Năm Đinh Dậu niên hiệu Thịnh Đức (1657), dưới triều vua Lê Thần Tông nhà Hậu Lê. Dù cho không có thông tin người “viết lại”, nhưng căn cứ vào dòng bổ sung nằm bên cạnh tên người biên tập sách là “Vu Giang Vân thủy Sa di Minh Hành trùng san”, có thể phán đoán năm Đinh Dậu niên hiệu Thịnh Đức là niên hiệu trùng san của Minh Hành.



Hình 5: Đối chiếu hai bản *Tuyết Đậu Hiển hòa thượng tụng cổ* của “Gia Hưng tạng” và của Viện NCHN

Mặc dù hai bản *Tụng cổ* trên do Minh Hành khắc ván lại tại Việt Nam, nhưng đối chiếu với bản “tứ gia lục” 四家錄 (Đại Minh thiền tự 大明禪寺, năm Chí Chính thứ 2 (1342) của Thư viện Quốc gia (Đài Loan) thì thấy bố cục, tự thể gần giống nhau, sử dụng “tiểu tự thể” 小字體 chứ không dùng “Tống thể tự” 宋體字 như “Gia Hưng tạng” sau này, mà mỗi trang có 10 hàng, mỗi hàng 18 chữ, bỏ bản tâm 版心⁴² và hai ngư vĩ 魚尾⁴³, đưa hai chữ “Tuyết Đậu” 雪竇 ra

ngoài, có thể kết luận rằng bản của Việt Nam căn cứ vào bản “tứ gia lục” để trùng san.

Có thể thấy rằng, trong số Phật điển mà tăng nhân di dân trong giai đoạn cuối Minh đầu Thanh đã mang từ Trung Quốc tới Việt Nam không chỉ có các khoa nghi Phật giáo truyền thống được sử dụng phổ biến như *Thủy lục chư khoa*, mà theo chân tăng nhân Trung Quốc di dân như thiền sư Minh Hành còn có trứ tác của các tổ sư Trung Quốc trong “Gia Hưng tạng” được mang vào Việt Nam, lại còn có những trứ tác của các tổ sư Thiền tông cuối Minh đầu Thanh được du nhập vào cộng đồng Phật giáo Việt Nam. Thậm chí, trong số sách đó còn có những tác phẩm sớm như *Thiên Đồng Giác hòa thượng tụng cổ*, *Tuyết Đậu Hiến hòa thượng tụng cổ*. Những tác phẩm này đã khai sáng tư tưởng Phật giáo mới mẻ cho Phật giáo giai đoạn cuối Minh đầu Thanh ở Trung Quốc, khi được truyền bá vào Việt Nam lại khiến cho Phật giáo có dấu hiệu phục hưng sau một giai đoạn tạm thời bị mai một.

3.2. Tăng nhân Việt Nam mang kinh Phật về nước

Ở một phương diện khác, vào cuối thế kỉ XVII, đầu thế kỉ XVIII, Việt Nam cũng có tăng nhân sang Trung Quốc cầu pháp mang kinh điển về, trong đó hòa thượng Tính Tuyền là nhân vật tiêu biểu nhất. Ông đã tới chùa Khánh Vân 慶雲 núi Đỉnh Hồ 鼎湖 (Quảng Châu) tu học, khi về nước mang 300 bộ kinh (tổng cộng hơn 1.000 quyển) từ Trung Quốc về, lưu tại chùa Càn An 乾安 (Hà Nội), trong đó có gần 200 bộ được san khắc truyền bá ở miền Bắc Việt Nam, có nhiều ván in được lưu giữ tại chùa Sùng Phúc 崇福 và chùa Càn An⁴⁴.

Pháp sư Tính Tuyền

Lĩnh vực trọng yếu nhất đối với pháp sư Tính Tuyền khi sang Trung Quốc cầu pháp là Giới Luật học. Ông đã tới Khánh Vân đại thiền tự trên núi Đỉnh Hồ phủ Quảng Châu, cầu được “Đỉnh Hồ giới” 鼎湖戒. Căn cứ vào ghi chép trong *Đỉnh Hồ sơn chí* 《鼎湖山志》 do Thích Thành Thử 釋成鷲 biên soạn, Đỉnh Hồ trên thực tế lấy Giới Luật học của pháp sư Hoằng Tán làm cơ

sở⁴⁵. Tính Tuyền chịu ảnh hưởng sâu sắc của Đĩnh Hồ, lại mong muốn phục hưng Giới Luật ở Việt Nam, nên bộ phận chủ yếu trong số kinh sách ông mang về là các tác phẩm chú sớ của Hoàng Tán.

Thích Hoằng Tán 釋弘贊(1611 - 1685) tự Đức Toàn 德旋, hiệu Tại Tham 在慘, cả cuộc đời lấy việc hoằng hộ chính pháp làm nhiệm vụ của mình, trứ thuật nhiều sách vở Phật học. “Trứ tác *Phạm võng kinh lược sớ* 《梵網經略疏》, *Tâm kinh thêm túc* 《心經添足》, *Chuẩn Đề hội thích* 《準提會釋》, *Đâu Suất quy kính tập* 《兜率龜鏡集》, *Quán Âm từ lâm tập thích* 《觀音慈林集釋》, *Thức xoa ma na ni giới bản* 《式叉摩那尼戒本》, *Quy giới yếu tập* 《歸戒要集》, *Sa di luật nghi yếu lược* 《沙彌律義要略》, *Tăng chú Sa di nghi quỹ tụng* 《增註沙彌儀軌頌》, *Giải hoặc biên* 《解惑編》, *Lục đạo tập* 《六道集》, *Quy Sơn cảnh sách cú thích* 《滄山警策句釋》, *Mộc nhân thặng cảo* 《木人剩稿》, *Tu Di thế giới chi đồ* 《須彌世界之圖》, tổng cộng gồm hơn 100 quyển, ván lưu tại chùa Lăng Nghiêm (Gia Hưng, Chiết Giang). Bạc tài năng lạ thường nếu không xuất thế thì hàng trung nhân trở xuống không thể không dựa vào chuẩn tắc để sửa mình ngay thẳng. Sư gánh vác tông môn mà lại lấy Giới Luật tự nhiệm là để cứu thế vậy. Phong khí Bắc Sơn, Doanh Sơn càng trở lên càng cao vút, càng che đi càng rực rỡ.”⁴⁶ Số sách kể trên đa phần được Tính Tuyền mang về Việt Nam.

Đương thời, pháp sư Tính Tuyền bên cạnh việc thụ được giới Cụ túc 具足戒 còn rất thông đạt kinh luận, lại mang 300 bộ Kinh - Luật - Luận gồm hơn 1.000 quyển về nước. Giai đoạn cuộc đời pháp sư Tính Tuyền sau khi về nước được ghi chép như sau:

“mang ba tạng Kinh - Luật - Luận lưu tại chùa Càn An, hết thầy tăng ni thỉnh sư làm Hòa thượng, thụ lại giới pháp. Hoằng dương luật *Tứ phần* bắt đầu từ sư. Từ đó cái ẩn giấu lại được trùng hưng, ánh sáng được tiếp nối. Tới khi sư 70 tuổi, sai chúng đánh chuông

hợp Tăng, bảo thượng túc Hải Quỳnh rằng: “Đạo của ta hưng long chẳng phải ở ông hay sao?” Phó chúc kệ rằng: “Đạo lớn không lời/ Vào Bất nhị môn/ Pháp môn vô lượng/ Ai là là cháu con?” Sư kiết già mà hóa, thiêu được xá lợi vô số, dựng tháp ở chùa Hàm Long, chùa Sùng Phúc phụng thờ. Đó là vào năm Vĩnh Hựu thứ 10”. 即將三藏經律留在乾安寺，一切僧尼請師為和尚，重受戒法，弘四分律，自師為始。自此潛者復興，光者復續。時師行年七十，命眾鳴鐘集僧，謂上足海炯曰：「吾道興隆，豈非汝耶」？付囑偈云：「至道無言，入不二門」。（法門無量，誰是後昆？）師跏趺而化，闍維舍利無數。建塔含龍寺、崇福寺二處奉事。時黎永祐十年⁴⁷。

Kể từ đó Luật học của Phật giáo Việt Nam được phục hưng. Trong số Kinh - Luật - Luận được pháp sư Tính Tuyền mang về nước, bộ phận quan trọng nhất là trứ tác của pháp sư Hoằng Tín. Hiện tại trong “Hệ thống kho tư liệu về mục lục văn hiến Hán Nôm Việt Nam” có không ít đầu sách, cụ thể xem ở bảng 2:

Bảng 2: Bảng đối chiếu trứ tác của Hoằng Tín lưu trữ tại Viện NCHN⁴⁸

Tác phẩm của Hoằng Tín	Tên sách được khắc ván ở Việt Nam	Kí hiệu (Viện NCHN)	Ghi chú
<i>Bát nhã ba la mật đa tâm kinh thêm túc</i> 《般若波羅密多心經添足》	<i>Bát nhã ba la mật đa tâm kinh thêm túc</i> 《般若波羅密多心經添足》	AC. 506	
<i>Bát nhã tâm kinh quán nghĩa</i> 《般若心經貫義》	<i>Tâm kinh quán nghĩa</i> 《心經貫義》	AC. 506	Đính phụ sau bản <i>Thiền túc</i>
<i>Quy Sơn cảnh sách cú thích kí</i> 《為山警策句釋記》	<i>Quy Sơn cảnh sách cú thích kí</i> 《為山警策句釋記》	AC. 140	
<i>Sa di luật nghi yếu lược tăng chú</i> 《沙彌律儀要略增註》	<i>Sa di luật nghi yếu lược tăng chú</i> 《沙彌律儀要略增註》	AC. 622	Có nhiều bản khác nhau
<i>Bát quan trai pháp</i> 《八關齋法》	<i>Bát quan trai pháp</i> 《八關齋法》	AC. 143	

<i>Lục đạo tập</i> 《六道集》	<i>Lục đạo tập</i> 《六道集》	AC. 129	
<i>Tứ phần luật danh nghĩa tiêu thích</i> 《四分律名義標釋》	<i>Tứ phần luật danh nghĩa tiêu thích</i> 《四分律名義標釋》	AC. 669/1-10	
<i>Giải hoặc biên</i> 《解惑編》	<i>Giải hoặc biên</i> 《解惑編》	AC. 598/1-2	
<i>Chư kinh nhật tụng</i> 《諸經日誦》	<i>Chư kinh nhật tụng</i> 《諸經日誦》	AC. 258	Hiện không tìm thấy ở Trung Quốc
<i>Tứ phần giới bản như thích</i> 《四分戒本如釋》	<i>Tứ phần giới bản như thích</i> 《四分戒本如釋》	AC. 181/1-2	Chưa xác nhận
<i>Thức xoa ma na ni giới bản</i> 《式叉摩那尼戒本》	<i>Thức xoa ma na Sa di ni luật nghi</i> 《式叉摩那沙彌尼律儀》	AC. 465	Chưa xác nhận
<i>Sa môn nhật dụng</i> 《沙門日用》	Không có		
<i>Tỉ khiêu ni thụ giới lục</i> 《比丘尼受戒錄》	Không có		
<i>Trì tụng Chuẩn đề chơn ngôn pháp yếu</i> 《持誦準提真言法要》	Không có		
<i>Đầu Suất quy kính tập</i> 《兜率龜鏡集》	Không có		
<i>Cúng chư thiên khoa nghi</i> 《供諸天科儀》	Không có		
<i>Quán Âm từ lâm tập</i> 《觀音慈林集》	Không có		
<i>Quy giới yếu tập</i> 《歸戒要集》	Không có		
<i>Lễ Phật nghi thức</i> 《禮佛儀式》	Không có		
<i>Lễ xá lợi tháp nghi thức</i> 《禮舍利塔儀式》	Không có		
<i>Phạm võng kinh Bồ tát giới lược</i> 《梵網經菩薩戒略疏》	Không có		
<i>Thất câu chi Phật mẫu sở thuyết Chuẩn đề Đà la ni kinh hội</i>	Không có		

<i>thích</i> 《七俱胝佛母所 說準提陀羅尼經會釋》			
<i>Sa di học giới nghi quy tụng chú</i> 《沙彌學戒儀軌頌註》	Không có		

Giá trị của thư tịch Phật giáo do pháp sư Tính Tuyền mang về nằm ở hai điểm:

(1) Đa số căn cứ vào những bản kinh đương thời được mang từ Trung Quốc về để trùng tân san khắc, tuy không phải là bản in từ lần khắc đầu tiên, nhưng do nội dung, hình thức ván in sai khác nhau không nhiều, nên vẫn có giá trị rất cao, có thể sử dụng để đối chiếu với trứ tác hiện còn của pháp sư Hoằng Tán và các vị tổ sư khác.

(2) Một số kinh điển được mang về đương thời hiện ở Trung Quốc không còn lưu, ví dụ như *Chư kinh nhật tụng* 《諸經日誦》 do Hoằng Tán biên tập lại, là những thư tịch Phật giáo bằng chữ Hán hiếm thấy, có giá trị rất cao, có thể bổ sung cho sự khuyết thiếu của nguyên bản, có ích lợi lớn đối với việc hoàn thiện nguyên mao kinh tạng Phật giáo, cũng như nghiên cứu thân thế, tư tưởng của chư Tổ.

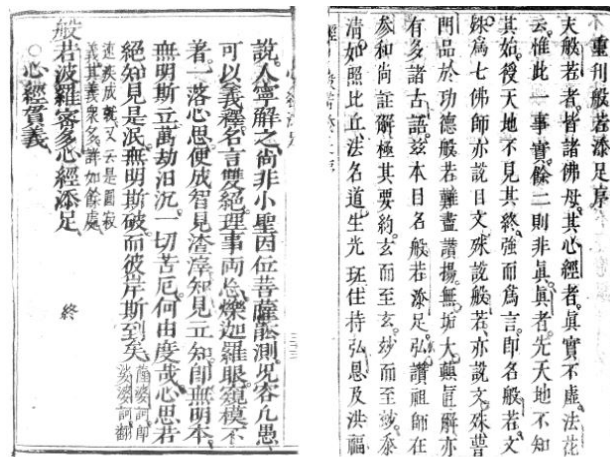
Hiện tại, những trứ tác của pháp sư Hoằng Tán hiện lưu trữ tại Viện NCHN ở loại thứ nhất có: *Bát nhã ba la mật đa tâm kinh thêm túc* 《般若波羅密多心經添足》, *Bát nhã tâm kinh quán nghĩa* 《般若心經貫義》, *Quy Sơn cảnh sách cú thích kí* 《滄山警策句釋記》, *Sa di luật nghi yếu lược tăng chú* 《沙彌律儀要略增註》, *Bát quan trai pháp* 《八關齋法》, *Lục đạo tập* 《六道集》, *Tứ phần luật danh nghĩa tiêu thích* 《四分律名義標釋》. Những bản kinh ở trên là Phật điển đã được ghi chép trong Đại tạng kinh, sau khi truyền nhập vào Việt Nam lại được san khắc lại, ví dụ như:

* *Bát nhã ba la mật đa tâm kinh thêm túc* 《般若波羅密多心經添足》 trùng san năm 1848 dưới triều vua Tự Đức, bản in lại của chùa Phúc Khánh 福慶 (tỉnh Thái Bình), có thêm bản “Trùng san Bát nhã” 重刊般若 của Thích Lăng Lăng

釋朗朗, trong đó đề cập: “Bản này tên là *Bát nhã thêm túc*, tổ sư Hoàng Tán Tại Tham hòa hượng chú giải, rất là tinh yếu” 茲本目名為般若添足, 弘讚祖師在參和尚註解, 極其要約⁴⁹.

Trong bản này, tên của Hoàng Tán 弘贊 viết thành 弘讚, Tại Tham 在慘 viết thành 在參, nhưng có thể suy đoán đây chính là bản *Bát nhã Ba la mật đa kinh thêm túc* của pháp sư Hoàng Tán.

**Bát nhã tâm kinh quán nghĩa* 《般若心經貫義》 của Hoàng Tán được đính vào sau bản *Thêm túc* của VNCHN, nhưng không có bài văn “Đại Bát nhã kinh thụ trì công đức” 大般若經受持功德 như ở trong “Vạn tục tạng”.



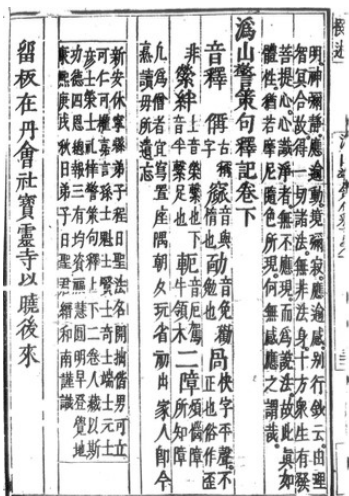
Hình 6: Bài tựa “Trùng san Bát nhã thêm túc tự” và *Tâm kinh quán nghĩa* được đính sau bản *Thêm túc*.

* *Quy Sơn cảnh sách cú thích kí* 《為山警策句釋記》 do pháp sư Hoàng Tán soạn, về cơ bản thì bản *Quy Sơn cảnh sách cú thích kí* ở Viện NCHN sử dụng bản in năm Canh Tuất thời Khang Hy (1670). Ở trang cuối có thông tin về người trợ ấn:

“Đệ tử là Trình Nhật Thịnh ở Tân An - huyện Hưu Ninh, pháp danh là Khai Chuyết, các con trai Khả Lập, Khả Nhân, Khả Quyền, Gia Ngôn, các cháu Sĩ Khôi, Sĩ Hiền, Sĩ Kỳ, Sĩ Đoan, Sĩ Nguyên, Sĩ Nhan, Sĩ Vinh cung kính khắc hai quyển Thượng Hạ sách *Cảnh sách cú thích* nhập tạng, lấy công đức này tổng báo tứ ân, lợi khắp

tam hữu, phúc tuệ tròn sáng, sớm lên cõi giác.”
 新安休豐縣弟子程日盛, 法名開拙, 偕男可立、可仁、可權、嘉言, 孫士魁、士賢、士奇、士端、士元、士彥、士榮, 禮梓《警策句釋》上下二卷入藏, 以斯功德, 四恩總報, 三有均資, 福慧圓明, 早登覺地。⁵⁰

Thời gian được ghi rõ ràng là: “Ngày mùa thu năm Canh Tuất niên hiệu Khang Hy, đệ tử Nhật Thánh Quân Tấn kính cẩn viết” 康熙庚戌年秋日弟子日聖君縉和南謹識. Tuy nhiên, quyển kinh này không có ghi chú về thời gian san khắc ở Việt Nam, chỉ có dòng thông tin: “Giữ ván tại chùa Linh Bảo xã Đan Hội để bảo cho đời sau” 留版在丹會社寶靈寺, 以曉後來⁵¹.

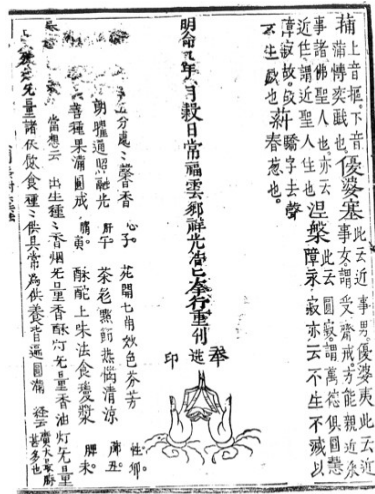


Hình 7: Quy Sơn cảnh sách cú thích kí

* *Sa Di luật nghi yếu lược tăng chú* 《沙彌律儀要略增註》 do Vân Thê Châu Hoảng 雲棲祿宏 biên tập, sa môn Hoảng Tấn núi Đỉnh Hồ chú thích, ở Viện NCHN có 6 ấn bản, bản trùng khắc sớm nhất hiện còn là bản in chùa Quang Minh 光明, tỉnh Hải Dương, năm Minh Mệnh thứ 20 (1839). Tì khiêu Chiếu Diệu 照耀 viết bài tựa “Sa di luật nghi yếu lược tăng chú tân san tự”

沙彌律儀要略增註新刊序 đề cao *Sa di luật nghi* “là bến là cầu để thành chính giác, lên bờ bên kia” 成正覺、登彼岸之津樑也⁵². Tuy nhiên, dòng trên là thông tin của lần khắc ván trước, còn trang cuối của bản kinh này có thông tin: “Khắc ván mới, ván lưu tại chùa Quảng Hàn, xã Cao La, Tứ Kỳ” 新鋟梓留板四岐縣高羅社廣寒禪寺, có thể kết luận đây là thông tin về một lần trùng khắc lại từ bản năm 1839. Tuy nhiên, bản kinh này y cứ vào bản “Tháng 11 năm Đinh Mùi niên hiệu Khang Hy (1667), Kinh liêu núi Đỉnh Hồ khắc” 康熙丁未仲冬鼎湖山經寮梓, là ván in do Kinh liêu núi Đỉnh Hồ san khắc, càng khẳng định rằng kinh do hòa thượng Tỉnh Tuyền mang về có quan hệ mật thiết với núi Đỉnh Hồ, mà trứ tác của pháp sư Hoằng Tán chiếm số lượng lớn trong số sách vở Luật học Phật giáo mang về Việt Nam.

**Bát quan trai pháp* 《八關齋法》do Hoằng Tán biên tập, bản hiện tồn tại Viện NCHN được chùa Thường Phúc 常福 in năm Minh Mệnh thứ 9 (1828), nội dung cơ bản tương đồng với bản ở Trung Quốc, chỉ có phần “Âm thích” ở cuối được lược bỏ, và thêm nội dung về năm và người trùng san⁵³.

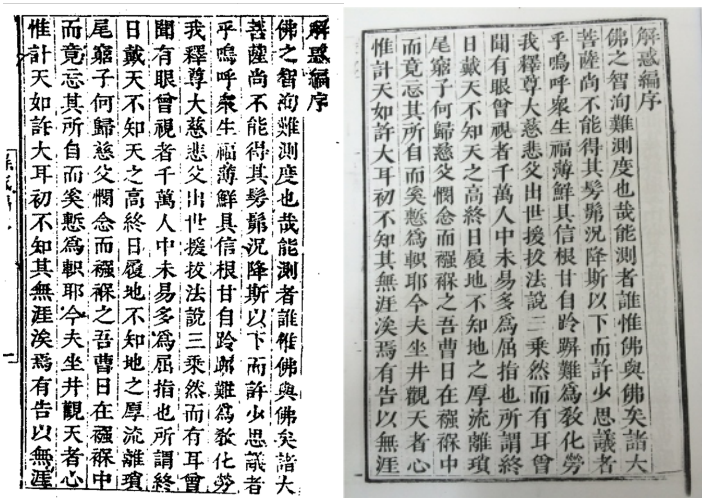


Hình 8: Niên đại trùng ấn *Bát quan trai pháp*

* *Lục đạo tập* 《六道集》 do Hoằng Tán trú tác, thư mục của Viện NCHN có 2 bản, nhưng một bản lưu trữ tại Paris. Bản này có thông tin pháp sư Hoằng Tán biên tập năm 1679, Lý Long Tiêu 李龍標 viết tựa năm 1682, được trùng san năm Ất Tị niên hiệu Thành Thái (1905), chùa Linh Quang 靈光 (Hà Nội) in lại. Trang đầu tiên của sách có bài tựa “Diễn Khánh trùng san Lục đạo tân tự” 演慶重刊六道新序. Diễn Khánh là tên chùa. Thời gian trùng san tuy vào niên hiệu Thành Thái đầu thế kỉ XX, nhưng bản này vẫn thừa tiếp cựu bản, ví dụ như thông tin người trợ ấn vẫn được bảo tồn trong sách:

“Đề từ Lâm Hạc, Đặng Thừa Chiêu, Âu Dương Tuyền, Lý Khâm Giản, Hoàng Thánh Xương góp tiền khắc nửa quyển *Lục đạo tập*, đem công đức này nguyện báo cho cha mẹ, người thân rời xa được tam đồ bát nạn, đều thành Vô thượng Bồ đề” 佛弟子林鶴、鄧承詔、歐陽雋、李欽簡、黃聖昌捐貲謹刻《六道集》半卷，以此功德，祈報罔極，親恩遠離三途八難，共成無上菩提。⁵⁴

Dạng thông tin này là một đặc trưng của “*Gia Hưng tạng*”.



Hình 9: Đối chiếu hai bản *Giải hoặc biên* trong *Gia Hưng tạng* của Tân Văn Phong (bên trái) và của Việt Nam (bên phải)

(Kì sau đăng tiếp)

CHÚ THÍCH:

- 1 Lưu Ngọc Quận 劉玉琚 (2004), “Khảo thuật giao lưu thư tịch Trung – Việt cổ đại”, *Văn hiến quý san* 《文獻季刊》, kì 4, tr. 85 – 98.
- 2 Đàm Chí Từ 譚志詞 (2011), “Bối cảnh và đặc điểm phục hưng Phật giáo ở Việt Nam thế kỉ 17 – 18”, *Mân Nam học báo* 《閩南佛學》, kì 6.
- 3 Đàm Chí Từ 譚志詞 (2011), Tlđđ.
- 4 Li Tana 李塔娜 (2000), *Lịch sử kinh tế xã hội vương triều Nguyễn ở Việt Nam*, Lý Á Thư 李亞舒, Đỗ Diệu Văn 杜耀文 dịch, Nxb. Văn Tân, Bắc Kinh, tr. 177.
- 5 Lý Khánh Tân 李慶新 (2015), “Giao lưu thư tịch giữa Quảng Đông và Việt Nam đời Thanh”, *Nghiên cứu học thuật* 《學術研究》, kì 12, tr. 93 – 104.
- 6 “Đào thiên” (逃禪) hoặc “di dân đào thiên” (遺民逃禪): Một phong trào xuất gia xa lánh thế tục hình thành vào giai đoạn cuối Minh đầu Thanh ở Trung Quốc. Trong giai đoạn nhà Thanh thay nhà Minh thống trị Trung Quốc, xuất hiện một tầng lớp “di dân” là những người Hán không chịu hợp tác với chính quyền mới mà xuất gia làm tu sĩ Phật giáo để giữ cho bản thân được yên ổn. (ND)
- 7 Sái Hồng Sinh 蔡鴻生 (1997), *Khái lược Phật giáo khu vực Lĩnh Nam đầu đời Thanh*, Nxb. Cao đẳng Giáo dục Quảng Châu, tr. 17-22.
- 8 Vì nguồn sử liệu không đầy đủ, chưa thể xác định năm sinh năm mất của các vị thiền sư, nên chúng tôi không đưa thông tin đó vào đây. Ngoại trừ hòa thượng Chuyết Công và thiền sư Minh Hành từng hoằng pháp tại miền Trung và miền Nam Việt Nam, sau đó tới vùng đất của chính quyền họ Trịnh ở phương Bắc hoằng pháp, địa điểm hoằng pháp của các thiền sư khác chủ yếu ở vùng đất phương Nam của chúa Nguyễn. Tham khảo: Đàm Chí Từ (2007), “Giao lưu Phật giáo giữa Lĩnh Nam và Việt Nam thế kỉ 17 – 18”, *Nghiên cứu tôn giáo thế giới* 《世界宗教研究》, kì 3, tr. 43 - 47.
- 9 Đàm Chí Từ (2007), Tlđđ, tr. 48 – 50.
- 10 Các nghiên cứu về ảnh hưởng của Thiền tông đối với Việt Nam rất phong phú. Có thể tham khảo: Thích Thanh Quyết (2001), *Lịch sử Thiền tông Việt Nam*, Viện Khoa học Xã hội Trung Quốc, Luận án Tiến sĩ; Nguyễn Thị Mỹ Châu (2007), *Ảnh hưởng của Phật giáo tại Thuận Hóa*, Đại học Dân tộc Quảng Tây, Luận văn Thạc sĩ; Thích Hạnh Tâm (2006), *Quá trình truyền thừa và lưu biến của tông Lâm Tế Trung Quốc tại Việt Nam*, Đại học Sư phạm Đài Loan, Luận văn Thạc sĩ.
- 11 Về vấn đề thư tịch Phật giáo truyền vào Việt Nam, tuy trong bài viết “Giao lưu Phật giáo giữa Lĩnh Nam và Việt Nam thế kỉ 17 – 18” của Đàm Chí Từ đã đề cập tới, nhưng chỉ bàn về tình hình truyền nhập và san khắc của một số thư tịch vào giai đoạn tương đối sớm, không tiến hành so sánh, hiệu khám các văn bản liên quan. Tác giả cho rằng “thời gian, địa phương, con đường truyền thư tịch vào Việt Nam tương đối khó khảo cứu”. Tuy nhiên,

- nếu xem kĩ thư tịch Phật giáo tại Viện NCHN thì sẽ có được một số manh mối, thư tịch Phật giáo Trung Quốc mà Tính Tuyền mang về đa phần thuộc “Gia Hưng tạng”. Ngoài ra, bài viết “Giao lưu thư tịch giữa Quảng Đông và Việt Nam đời Thanh” của Giáo sư Lý Khánh Tân, nhìn vấn đề giao lưu thư tịch từ góc độ mậu dịch ngoại thương, tuy có giá trị tham khảo quan trọng, nhưng chưa đề cập tới nhóm kinh Phật do tăng nhân mang theo. Trong thời gian tới có thể kiểm tra nhóm thư tịch mậu dịch xem có thư tịch Phật giáo truyền vào hay không. Tham khảo: Lý Khánh Tân 李慶新 (2015), “Giao lưu thư tịch giữa Quảng Đông và Việt Nam đời Thanh”, *Nghiên cứu học thuật* 《學術研究》, kì 12,, tr. 93 – 104.
- 12 Tham khảo: Mayanagi Makoto “Thư chí sách y học cổ ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm Việt Nam (1)” Kỷ yếu khoa Nhân văn Đại học Ibaraki, *Nghiên cứu nhân văn và truyền thông* số 12, 2012, pp.19-42 (眞柳誠, 〈ベトナム漢喃研究所の古醫籍書誌(一)〉, 《茨城大学人文学部紀要・人文コミュニケーション学科論集》12, 2012年, 頁19-42).
 - 13 *Các tự kinh bản, Ngọc Sơn thiện thư lược sao mục lục* 《各寺經板. 玉山善書略抄目錄》 (Viện NCHN, A.1116).
 - 14 Vương Thị Hương (2013), “Chùa Xiển Pháp - Ngôi chùa và những cuốn sách kinh Phật”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 5 (120); tr. 62-67. (ND)
 - 15 Hệ thống này căn cứ trên hai thư mục *Việt Nam Hán Nôm cổ tịch văn hiến mục lục để yếu* và *Bổ di*, là kết quả hợp tác giữa Viện NCHN và EFEO, lần lượt xuất bản vào năm 1993 và 2002. Trong các năm 2002 và 2004, *Việt Nam Hán Nôm cổ tịch văn hiến mục lục để yếu* và phần *Bổ di* đã lần lượt được dịch sang tiếng Trung. Sở Nghiên cứu Văn Triết thuộc Viện Nghiên cứu Trung ương (Đài Loan) đã số hóa hai bản dịch đó để tạo thành hệ thống kho tư liệu online, nội dung gồm 4 bộ Kinh - Sử - Tử - Tập cùng đề yếu.
 - 16 Tham khảo: Giới thiệu hệ thống “Kho tư liệu về mục lục văn hiến Hán Nôm Việt Nam” (<http://140.109.24.171/hannan/系統簡介.htm>) (10/03/2018).
 - 17 Tham khảo: Đàm Chí Từ 譚志詞 (2007), “Nguyên nhân hòa thượng Chuyết Công đất Mân tới Việt Nam”, *Đông Nam Á tung hoành* 《東南亞縱橫》, tháng 5, tr. 61.
 - 18 *Đại Nam thiền uyển truyền đăng lục* 《大南禪苑傳燈集錄》 (A.2767, Viện NCHN).
 - 19 *Hiển Thụy am Bảo Nghiêm tháp bi minh* 《獻瑞庵寶嚴塔碑銘》, (chùa Bút Tháp, thác bản hiện lưu trữ tại Viện NCHN). Tham khảo trong: Trịnh Khắc Mạnh, Nguyễn Văn Nguyên, Philippe Papin (chủ biên, 2005), *Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm*, tập 3, Viện NCHN No. 2893, tr. 895.
 - 20 Thời gian Chuyết công về Phúc Kiên được tính là 16 năm sau, kể từ năm 1607. Tham khảo: Đàm Chí Từ (2007), “Nguyên nhân...”, Tlđđ, tr. 60 - 61.
 - 21 Nguyễn Quang Khải dịch (2017), *Chuyết Chuyết tổ sư ngữ lục* 《拙拙祖師語錄》, Nxb Thanh Hóa, tr. 138.

- 22 Đàm Chí Từ (2007), “Nguyên nhân...”, Tlđđ, tr. 61.
- 23 Tức là năm Giáp Thân, niên hiệu Phúc Thái năm thứ 2 (1644). Tham khảo: Nguyễn Quang Khải dịch (2017), Tlđđ, tr. 147.
- 24 Đàm Chí Từ (2007), “Nguyên nhân...”, Tlđđ, tr. 61.
- 25 Tuy nhiên, trong một chuyến chúng tôi tới đền đã tại chùa Phật Tích, khi phỏng vấn tu sĩ ở đây thì dường như họ cho rằng những điển tịch đó không tồn tại.
- 26 Đàm Chí Từ (2007), “Giao lưu Phật giáo...”, Tlđđ, tr. 48 – 50.
- 27 Đàm Chí Từ 譚志詞 (2006), “Kiều tăng thiền sư Minh Hành hoàng pháp tại Việt Nam”, *Bát quế kiều san* 《八桂僑刊》, kì 1 tháng 3, tr. 42 – 44.
- 28 Tuy nhiên, thiền sư Minh Lương cũng được phó chúc kệ trước khi hòa thượng Chuyết Công mất hơn 10 ngày. Tham khảo: Nguyễn Quang Khải dịch (2017), Sđđ, tr. 149.
- 29 Đàm Chí Từ (2006), “Kiều tăng thiền sư...”, Tlđđ, tr. 43.
- 30 Đàm Chí Từ (2007), “Giao lưu Phật giáo...”, Tlđđ, tr. 50.
- 31 Căn cứ vào “Hệ thống kho tư liệu về mục lục văn hiến Hán Nôm Việt Nam” có thể thấy, *Thủy lục toàn tập* “nay còn 7 bản in, gồm bản in của chùa Hải Hội tại Hà Nội năm thứ 5 niên hiệu Cảnh Thịnh (1797), bản chùa Hải Hội năm thứ 2 niên hiệu Đồng Khánh (1887) căn cứ vào bản năm thứ 5 niên hiệu Cảnh Thịnh, bản in năm thứ 6 niên hiệu Thành Thái (1894) của chùa Vĩnh Phúc; lại có một bản sao”. Kinh này “Còn có tên là *Thủy lục chư khoa* 《水陸諸科》, khoa nghi Phật giáo, ghi chép các nghi thức “Thỉnh Phật”, “Nghênh sư”, “Chiêu hồn”, “Tiếp vong linh”, “Tẩy uế”, “Sám hối” ở trong chùa. Hòa thượng Tuệ Đăng Chân Nguyên của thiền phái Trúc Lâm núi Yên Tử soạn năm Cảnh Thịnh thứ 5 (1797), có bài tựa của sa môn Thanh Như, kí hiệu gốc là 3640 có tên *Thủy lục toàn tập*, lại có kí hiệu 3638 có tên *Thủy lục chư khoa*”. Tham khảo: 越南漢喃文獻目錄資料庫系統檢索, <http://140.109.24.175/pasweb/>, (10/032019).
- 32 Nguyễn Lang (2000), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb Văn học, Hà Nội, tr. 535.
- 33 *Tam kinh nhật tụng* 《三經日誦》, kí hiệu AC.545 tại Viện NCHN; kí hiệu TN.059 tại Thư viện Quốc gia Việt Nam. Nhưng căn cứ vào bài tựa của Thích Tại Tại (tức thiền sư Minh Hành) tên là “Phật Tổ tam kinh tự” 佛祖三經序. Chúng tôi cho rằng, tên kinh là *Phật Tổ tam kinh* 《佛祖三經》 sẽ hợp lý hơn.
- 34 Kí hiệu AC.341, lưu trữ tại Viện NCHN. “Hệ thống kho tư liệu về mục lục văn hiến Hán Nôm Việt Nam” ghi rằng hiện còn hai văn bản: bản in chùa Báo Quốc năm thứ 11 niên hiệu Minh Mệnh (1830) do Thích Tại Tại viết tựa. Số trang và quy cách: bản 170 trang, cao 26 cm, rộng 15 cm; bản 98 trang, cao 29,5 cm, rộng 16,5 cm. Đề yếu: kinh Phật hợp đính, gồm có *Phật thuyết tứ thập nhị chương kinh* 《佛說四十二章經》, *Phật di giáo kinh* 《佛遺教經》, *Quy Sơn cảnh sách* 《鵝山警策》, cuối sách có bài Bạt và phần “Tăng bồ âm thích”; ngoài ra còn có một bản Tam kinh

- nhật tụng lưu tại Thư viện Quốc gia Việt Nam (kí hiệu TN.121), nội dung giống với bản trên. (chỗ này có sự nhầm lẫn, kí hiệu TN là của chùa Thắng Nghiêm - ND).
- 35 Tham khảo bia *Phụng lệnh chỉ* 奉令旨, trong bia sau khi đề cập chuyện Hoàng Thái hậu họ Trịnh xin chúa hạ chỉ, có nhắc tới con gái là Lê Thị Ngọc Duyên, pháp hiệu Diệu Tuệ, vậy nên ở đây gọi là công chúa. Nhưng ở bia No. 2896, cha của Ti khiêu ni Diệu Tuệ Thiện Thiện là Quận công Lê Vinh Tiến. Nghi vấn này chúng tôi sẽ đợi lời giải đáp sau, có điều thân phận hoàng tộc của bà có thể xác định được. Tham khảo: *Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm*, tập 3, Viện NNCHN, 2005, Hà Nội, No. 2880, 2896, tr. 882, 898.
- 36 AC. 545, Viện NCHN, tr. 29.
- 37 *Bổ tục Cao Tăng truyện* 《補續高僧傳》: “Đức Tông, họ Đỗ, là dòng dõi của Đỗ Phủ... Thông nội ngoại điển, ban đầu không giáo hóa, người ta ít biết tới. Vua Thành Tổ cử Trung quan tới đất Biện, xét được chuyện ấy, về tấu trong triều... Ban chiếu vời Đức Tông tới, ban áo vàng, cựa sa, chuông bạc... Trao cho chức Tả Thiện Thế, dựng nơi ở tại núi Kê Minh làm nơi ẩn tu. Tới 57 tuổi thì nói kệ rồi thị tịch.” (德琮, 姓杜氏, 唐拾遺子美之後也。.....博通內外典, 素不出山教化, 人罕知之。成祖使中官至汴, 廉得其名, 還奏於朝。.....詔徵德琮至, 賜金襴袈裟銀鉢盂。.....授左善世, 為作室雞鳴山, 以為修藏之所。年五十七, 說偈示寂)。《補續高僧傳》卷 25, CBETA, X77, No. 1524, p. 531, b6-17).
- 38 *Bát nhã ba la mật đa tâm kinh trực thuyết* 《般若波羅蜜多心經直說》(Viện NCHN, AC. 301).
- 39 Hám Sơn Đức Thanh là một vị tăng bị lưu phóng nổi tiếng giai đoạn cuối Minh đầu Thanh. Thiền sư Hám Sơn (1546 - 1623) tên Đức Thanh, họ Sái. Năm 1595, ông vì tội xây chùa trái phép mà bị đày đi Lô Châu, tới năm 1614 thì được ân xá. Nhớ lại cuộc sống trong 20 năm đi đày cũng như một giấc mộng dài. Sống ở trong tường vách doanh trại, học theo hòa thượng Đại Tuệ Tông Cao, đối khẩu thuyết pháp, dựng tượng thất ở trong lều trướng, lấy chiêng làm chuông lớn, lấy cờ xí làm tràng phan, lấy điều đầu 刁鬥 làm chuông bát, lấy giáo dài làm tích trượng, coi ba quân là pháp lữ, coi hàng ngũ là thanh quy, coi tiếng hét là triều âm, coi tham yết trưởng quan là lễ tụng, coi các ma là quyền thuộc, rõ ràng thành một nơi đạo tràng lớn. Công hiến lớn nhất của ngài Hám Sơn đối với Phật giáo ở Lĩnh Nam là khôi phục chùa Tào Khê do Lục Tổ khai sáng, được khen ngợi là người trung hưng Tào Khê. Tham khảo: Sái Hồng Sinh (1997), “Khái quát Phật giáo ở Lĩnh Nam đầu thời nhà Thanh”, tr. 16.
- 40 《般若心經直說》, CBETA, X26, No. 542.
- 41 *Thiên Đồng tụng cổ tập* 《天童頌古集》(AC.314, Viện NCHN). Thông tin đề yếu trong “Hệ thống kho tư liệu về mục lục văn hiến Hán Nôm Việt Nam” viết: “Trứ thuật của Phật giáo Trung Hoa, tăng nhân Pháp Nhuận soạn, Hoành Trí Giác viết bài tựa” có thể sai sót. *Thiên Đồng Hoành Trí Giác hòa thượng tụng cổ* do thiền sư Tự Tông viết. Ngoài ra, ở bản Việt

Nam ngoài *Thiên Đồng Giác hòa thượng tụng cổ* còn hợp đính *Tuyết Đậu Minh Giác hòa thượng tụng cổ*. Tác phẩm trước do Pháp Nhuận, Tín Ngộ biên tập, mà tác phẩm sau do Viễn Trần biên tập. Vậy nên đề yếu viết “tăng nhân Pháp Nhuận soạn” tức là đã bỏ sót *Tuyết Đậu Minh Giác hòa thượng tụng cổ* ở phía sau.

- 42 “Bản tâm” 版心: dòng ở chính giữa của một mặt ván in mộc bản, được giới hạn bằng hai đường biên dọc, chứa các nội dung tra duyệt sách như: tên sách, tên nội dung lớn, số thứ tự quyển, số thứ tự mặt in, tên bộ sưu tập, số chữ trong mặt in... Khi mộc bản được in ra giấy và đóng thành sách, bản tâm nằm ở mép ngoài của tờ in đã được gấp đôi chia thành 2 trang.
- 43 “Ngư vĩ: 魚尾: Chi tiết nằm bên trong bản tâm, có hình dạng  (thường nằm phía trên) hoặc  (thường nằm ở dưới), kết hợp với đường biên dọc của bản tâm tạo thành một khung chứa các nội dung quan trọng của bản tâm như: tên sách, tên nội dung lớn, số thứ tự quyển, số trang. Trong bản tâm thường xuất hiện cả hai chi tiết ngư vĩ trên, có trường hợp bản tâm của sách chỉ có một ngư vĩ, hoặc không có ngư vĩ. (ND)
- 44 Đàm Chí Từ (2007), “Giao lưu Phật giáo...”, Tlđđ., tr. 42 - 52.
- 45 Lý Phúc Tiêu 李福標, Chu Tịnh 朱靖 (2015), “Luận về sự giai thoại hoá Luật học của thiền sư Hoảng Tán núi Đỉnh Hồ”, *Nghiên cứu học thuật* 《學術研究》, số 4, tr. 143 – 147.
- 46 Lương Bội Lan (1980), “Đỉnh Hồ sơn đệ nhị đại trụ trì Tại Tham thiền sư tháp chí minh” 鼎湖山第二代住持在參禪師塔志銘, *Đỉnh Hồ sơn chí* 《鼎湖山志》, quyển 3, Minh Văn thư cục (Đài Bắc), nguyên bản năm Khang Hy thứ 56, tr. 11 – 12.
- 47 Sa môn Như Sơn, *Kế đăng lục* 《繼燈錄》, tr. 46. Thời gian được ghi chép trong văn bản là “năm Vĩnh Hựu thứ 10”. Niên hiệu Vĩnh Hựu nhà Hậu Lê kéo dài 6 năm, thông tin năm Vĩnh Hựu thứ 10 có thể là sai.
- 48 Nguồn tư liệu: 「佛教經藏目錄數位資料庫」
<http://jinglu.cbeta.org/>; 「越南漢喃文獻目錄資料庫系統」
<http://140.109.24.171/hannan/> (10/03/2019).
- 49 *Bát nhã Ba la mật đa kinh thêm túc* 《般若波羅密多心經添足》 (Viện NCHN, AC. 506, tr. 2).
- 50 *Quy Sơn cảnh sách cú thích kí* 《為山警策句釋記》 (Viện NCHN, AC. 140, tr. 32).
- 51 *Quy Sơn cảnh sách cú thích kí* 《為山警策句釋記》 (Viện NCHN, AC. 140, tr. 32).
- 52 *Sa di luật nghi yếu lược tăng chú* 《沙彌律儀要略增註》 (Viện NCHN, AC. 622, tr. 2).
- 53 *Bát quan trai pháp* 《八關齋法》 (Viện NCHN, AC. 143).
- 54 *Lục đạo tập* 《六道集》 (Viện NCHN, AC. 129).